

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 25-03-2022

V/v tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sở

2/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thuý L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 4/8/4 Quốc lộ 1, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 38/27 đường N, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Văn S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 38/27 đường N, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2021 và các lời khai tại toà án nguyên đơn bà Cao Thị Thuỳ L trình bày:

Ngày 04/12/2019, bà Nguyễn Thị Kim H có mượn của bà L số tiền 30.000.000đ, thời hạn 40 ngày, mục đích vay: buôn bán, lãi suất thỏa thuận một tháng là 3.600.000đ tiền lãi, bà chưa nhận lãi số tiền nào từ bà H. Chưa trả vốn.

Ngày 07/12/2019, bà Nguyễn Thị Kim H có đứng ra mượn dùm cho em của bà H số tiền 30.000.000đ, thời hạn 40 ngày, mục đích vay: buôn bán, lãi suất thỏa thuận một tháng là 1.200.000đ tiền lãi, chưa nhận lãi số tiền nào từ bà H. Chưa trả vốn.

Ngày 06/12/2019, bà Nguyễn Thị Kim H có vay của bà L số tiền 50.000.000đ, thời hạn 40 ngày, mục đích vay: buôn bán, lãi suất thỏa thuận một tháng trả 5.000.000đ tiền lãi, trả được một tháng tiền lãi. Chưa trả vốn.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết: buộc bà H trả số tiền vốn vay 110.000.000đ, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà có vay tiền của bà L, cụ thể như sau:

Ngày 04/12/2019, bà có mượn của bà L số tiền 30.000.000đ, thời hạn 40 ngày, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi 3.600.000đ, đóng được 6 - 7 tháng tiền lãi, chưa trả vốn.

Ngày 07/12/2019, bà có vay của bà L 20.000.000đ, giấy nợ bà có ký tên nhưng không có đọc lại, thỏa thuận góp hàng ngày 400.000đ, góp trong vòng 60 ngày, góp được 5 ngày, còn nợ lại 22.000.000đ.

Ngày 06/12/2019, bà có viết giấy nợ và có vay của bà L 30.000.000đ, nhưng do sơ ý bà không có đọc lại. Thỏa thuận góp hàng ngày 600.000đ, góp trong vòng 60 ngày, góp được 30 ngày, mỗi ngày góp bà L ghi vô sổ của bà L, còn nợ lại 18.000.000đ. Sau đó, giữa hai bên đã chốt lại số nợ vào ngày 23/3/2020, bà chỉ còn nợ bà L 86.000.000đ, bà L đã ghi vào sổ của bà L, bà không có giấy tờ chứng minh và ông Ngô Văn S trả cho bà L số tiền 8.500.000đ là trả cho số vốn 86.000.000đ, khi trả bà L ghi vào sổ của bà L, bà không có chứng cứ chứng minh, như vậy bà chỉ còn nợ bà L 77.500.000đ và xin trả mỗi tháng 1.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn S trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Kim H, vợ ông trước đây có vay tiền của bà L và ông có cầm tiền trả trực tiếp cho bà L 3 lần số tiền là 8.500.000đ. Vợ ông chốt nợ với bà L là 86.000.000đ, như vậy ông trả vô số vốn 86.000.000đ, ông không có chứng cứ chứng minh.

* Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn bà L trình bày:

Đối với khoản vay 30.000.000đ ngày 07/12/2019 bà H có trả vốn được 4.000.000đ, sau đó ông S chồng bà H có trả được 5.000.000đ cho lần vay ngày 06/12/2019, tổng cộng bà H trả vốn được 9.000.000đ, còn nợ lại 101.000.000đ.

Bị đơn bà H vẫn giữ nguyên lời trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bà Cao Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả số tiền của 3 khoản vay tổng cộng là 110.000.000đ, trả 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L cung cấp các sổ nợ thể hiện số tiền vay từng lần là: Lần 1 vào ngày 04/12/2019 bà Nguyễn Thị Kim H có mượn bà 30.000.000đ, ngày 06/12/2019 số tiền 50.000.000đ, ngày 07/12/2019 mượn tiếp 30.00.000đ, tổng cộng của 03 khoản vay là 110.000.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà đã được bà L chốt nợ là bà còn nợ 86.000.000đ. Sau khi chốt nợ bà đã trả cho bà L thêm 8.500.000đ đồng, hiện bà chỉ còn nợ bà L là 77.500.000đ. Bà H thừa nhận chữ viết Nguyễn Thị Kim H trên 03 giấy nợ của bà L đều do bà viết nhưng khi viết bà không đọc lại, bà xác định có vay như sau: Lần 1 vào ngày 04/12/2019 vay 30.000.000đ với lãi suất 3.600.000đ/tháng đã đóng được 6-7 lần tiền lãi. Lần 2 vay vào ngày 06/12/2019 bà H có viết giấy nợ 30.000.000đ, góp hàng ngày 600.000đ, góp trong vòng 60 ngày góp hàng ngày đều ghi sổ của bà L. Lần 3 vay vào ngày 07/12/2019 bà chỉ vay 20.000.000đ thỏa thuận góp ngày 400.000đ góp 60 ngày, bà đã góp được 5 lần. Tại tòa bà L cho rằng bà H trả 5 triệu và 4 triệu là tiền gốc trong các lần vay 50.000.000đ và 30.000.000đ của khoản vay ngày 07/12/2019, nay bà L yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 101.000.000đ. Tại phiên tòa 2 bên đều trình bày trả nợ gốc nhưng không thống nhất. Bà H trình bày bà đã được bà L chốt nợ vào ngày 23/3/2020 còn 86.000.000đ. Nhưng bà L lại trình bày số tiền chốt nợ 86.000.000đ là của người khác nhưng bà lại không có chứng cứ thể hiện.

Xét thấy, sổ nợ do bà L giữ, được bà L nộp cho tòa án trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà L với bà H và được ghi cùng một tờ giấy phía dưới biên bản nợ ngày 06/12/2019 với số tiền 50.000.000đ có chữ ký của bà H, hơn nữa lại phù hợp với lời trình bày của bà H. Do đó có đủ căn cứ cho rằng bà L đã chốt nợ cho bà H số tiền còn lại đến ngày 23/3/2020 là 86.000.000đ.

Do đó căn cứ Điều 463, 466 BLDS và 03 giấy nợ và giấy chốt nợ do nguyên đơn cung cấp và diễn biến tại phiên tòa vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu

của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả cho bà L số tiền 86.000.000đ là có cơ sở.

- Về án phí DSST: Bà H phải chịu án phí DSST theo quy định. Bà L phải chịu án phí phản bị bác yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền:

Về thẩm quyền: Bà Cao Thị Thuỳ L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả số tiền vốn vay 110.000.000đ theo các giấy mượn tiền đã ký nhận. Đây là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Về xét xử vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn S đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông Ngô Văn S nhưng ông S vẫn vắng mặt. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông S là phù hợp với các Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của bà L yêu cầu bà H hoàn trả số tiền vốn vay 110.000.000đ, thấy rằng:

Bà L và bà H đều trình bày không thống nhất nhau về số vốn vay.

Bà L xuất trình 03 giấy mượn tiền mà bà H đã mượn gồm: ngày 04/12/2019 vay 30.000.000đ, ngày 06/12/2019 vay 50.000.000đ, ngày 07/12/2019 vay 30.000.000đ, tổng cộng 110.000.000đ. Sau đó bà H có trả vốn tổng cộng 9.000.000đ, còn nợ lại 101.000.000đ.

Bà H cho rằng bà có vay tiền của bà L nhưng khi ký giấy nhận nợ thì không có đọc lại. Bà thừa nhận ngày 04/12/2019 bà có vay 30.000.000đ, trả được 6 – 7 tháng tiền lãi, chưa trả vốn; ngày 06/12/2019 vay 30.000.000đ, thỏa thuận góp hàng ngày 600.000đ, góp được 30 ngày; ngày 07/12/2019 vay 20.000.000đ, thỏa thuận góp hàng ngày 400.000đ, góp được 05 ngày, tổng cộng vay 80.000.000đ. Ngày 23/3/2020, bà đã chốt nợ với bà L nên bà L có ghi vào sổ bà L: “Em tổng cộng 86.000.000đ”, sau đó ông S chồng bà có trả cho bà L 3 lần được số tiền 8.500.000đ, các lần góp tiền và ông S trả tiền cho bà L thì bà H đều không có chứng cứ chứng minh, như vậy bà chỉ còn nợ bà L 77.500.000đ.

HĐXX nhận thấy:

Bà H xác định bà có vay tiền của bà L, chữ viết tên Nguyễn Thị Kim H trên các giấy nợ đều là của bà, khi viết tên không có đọc lại giấy nợ, bà cho rằng đã góp tiền cho bà L nhiều lần nên bà L đã chốt lại nợ và ghi trong sổ của bà L là: “Em tổng cộng 86.000.000đ”, ở phía dưới không có viết tên Nguyễn Thị Kim H như các giấy vay tiền mà bà H đã mượn của bà L, sau đó ông S chồng bà H có trả 8.500.000đ, đây là lời trình bày từ bà H và ông S, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh, phía bà L không thừa nhận nhưng bà L thừa nhận bà H có trả được 4.000.000đ vốn cho lần vay ngày 07/12/2019 và 5.000.000đ vốn của lần vay ngày 06/12/2019, tổng cộng là 9.000.000đ, mặc dù bà H không có chứng cứ chứng minh nhưng lời thừa nhận của bà L là có lợi cho bà H nên HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 xác định bà H có vay và còn nợ lại số tiền vốn vay 101.000.000đ chưa thanh toán cho bà L là có cơ sở.

2.2: Về phương thức trả nợ :

Bà L yêu cầu bà H trả một lần đủ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho bà L cần buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 101.000.000đ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí quy định với mức thu là 5.500.000đ.

Bà Cao Thị Thuỳ L được nhận lại số tiền 2.750.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001179 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung vụ án một phần không có căn cứ. Bởi vì: giấy nợ bà L cung cấp ngày 06/12/2019 có đoạn phía dưới ghi là “Em tổng cộng 86 triệu ngày 23/3/2020”, đây là chữ viết của bà L, không có chữ ký tên bà Nguyễn Thị Kim H như các giấy vay tiền, bà L trình bày việc bà ghi trong sổ như vậy là món vay khác không có liên quan đến việc vay tiền của bà H, nếu hai bên xác nhận lại công nợ thì phải có chữ viết tên Nguyễn Thị Kim H như các giấy vay tiền mà bà H đã viết, đây là lời trình bày của bà H và bà L không thừa nhận nên không có căn cứ để cho rằng hai bên đã chốt lại số nợ là 86.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thuỳ L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Cao Thị Thuỳ L số tiền là 101.000.000đ (một trăm lẻ một triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Cao Thị Thuỳ L được nhận lại số tiền 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001179 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí quy định với mức thu là 5.050.000đ (năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

